

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2022/HNGĐ – ST

Ngày: 21-7-2022

V/v: Tranh chấp ly hôn,  
nuôi con chung khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ - TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Hải Âu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Ngô Hồng Điệp

2. Ông Dương Tấn Hải

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Út - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

Ngày 21 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 228/2022/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2022/QĐXX-ST ngày 04 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị N, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Ấp 5, xã A, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Ấp 5, xã A, huyện Đ, tỉnh Long An.

*Bà N, ông D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Nguyên đơn bà Trần Thị N trình bày trong đơn khởi kiện ngày 01/4/2022, trong quá trình tố tụng như sau:

Qua thời gian tìm hiểu, bà Trần Thị N và ông Nguyễn Văn D tổ chức lễ cưới vào năm 2007 và thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An, theo giấy chứng nhận kết hôn số 69/2007 ngày 04/6/2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với cha mẹ chồng tại ấp 5, xã Tân Ân, huyện Đ, tỉnh Long An cho đến nay. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được 02 năm đầu, về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do vào năm 2009, sau khi vợ chồng cự cãi, ông D đã bỏ nhà đi sống chung với người phụ nữ khác bên ngoài, kể từ đó vợ chồng không còn sống chung, không liên lạc với nhau, không ai quan tâm đến ai, bà N vẫn ở lại nhà cha mẹ chồng một mình nuôi con đến nay. Vợ chồng hiện tại không còn sống chung, bà N đã dọn ra nhà riêng sinh sống, vợ chồng đã ly thân nay đã hơn 13 năm. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên bà N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

Về con chung: Bà Trần Thị N và ông D chung sống với nhau có 01 con chung tên Nguyễn Việt Thanh sinh ngày 09/9/2004, hiện đang sống với bà N và bà Nội. Sau khi ly hôn, bà N đồng ý giao con chung chưa thành niên Nguyễn Việt Thanh cho ông D nuôi dưỡng, bà N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, ông D không có ý kiến phản hồi nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt với lý do là đang bị bệnh không thể tham dự phiên tòa của Tòa án được.

Tài liệu, chứng cứ bà Trần Thị N nộp cho Tòa án bao gồm: Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, giấy khai sinh con chung tên Nguyễn Việt Thanh, bản tự khai ngày 27/4/2022.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nơi cư trú bị đơn, xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An được pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 các Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Trần Thị N và bị đơn ông Nguyễn Văn D có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Trần Thị N và bị đơn ông Nguyễn Văn D.

[3] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị N và ông Nguyễn Văn D được xác lập vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đa Teh, huyện Đa Teh, tỉnh Lâm Đồng theo giấy kết hôn số 69/2007 ngày 04/6/2007 đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Bà N và ông D có cuộc sống hôn nhân được 15 năm, hạnh phúc được 02 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà Oanh trình bày là do vào năm 2009, sau khi vợ chồng cự cãi, ông D đã bỏ nhà đi sống chung với người phụ nữ khác bên ngoài, kể từ đó vợ chồng không còn sống chung, không liên lạc với nhau, không ai quan tâm đến ai, bà N vẫn ở lại nhà cha mẹ chồng một mình nuôi

con đến nay. Vợ chồng đã ly thân đã hơn 13 năm, nhận thấy tình cảm không còn, bà N khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Văn D. Bị đơn ông Nguyễn Văn D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn tố tụng, ông D không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu xin ly hôn của bà N nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, cho thấy ông D không có thiện chí hàn gắn tình cảm với bà N. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông D đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị N đối với ông Nguyễn Văn D.

[3.2] Về con chung: Bà Trần Thị N và ông Nguyễn Văn D chung sống với nhau có 01 con chung tên Nguyễn Việt Thanh sinh ngày 09/9/2004, hiện đang sống với bà N. Sau khi ly hôn, bà N đồng ý giao con chung chưa thành niên Nguyễn Việt Thanh cho ông D nuôi dưỡng, bà N không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông D không có ý kiến gì đối với con chung. Xét thấy, kể từ khi vợ chồng sống ly thân, bà N vẫn ở lại nhà cha mẹ chồng sinh sống và cháu Nguyễn Việt Thanh cũng sống chung với bà N tại địa chỉ ấp 5, xã Tân Ân, huyện Đ, tỉnh Long An, hiện cháu Thanh đang chuẩn bị lên lớp 12. Căn cứ vào đơn nguyện vọng ngày 01/4/2022 của cháu Nguyễn Việt Thanh là mong muốn sống chung với cha và cũng nhằm đảm bảo sự ổn định, phát triển bình thường, việc học hành của cháu Thanh, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Oanh, giao cháu Nguyễn Việt Thanh cho ông Nguyễn Văn D là người trực tiếp nuôi dưỡng, bà N không phải cấp dưỡng nuôi con do ông D không có yêu cầu.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình tố tụng, bà N khai nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 85, 86 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Thị N với ông Nguyễn Văn D.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

1.2. Về con chung: Giao cho ông Nguyễn Văn D được trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên Nguyễn Việt Thanh sinh ngày 09/9/2004. Bà Trần Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá Việt, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn Việt và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà Oanh đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006166 ngày 21/4/2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Long An thành án phí, bà N đã nộp xong.

Án xử công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục Thi hành án huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Hải Âu**